

Giảm tỷ trọng

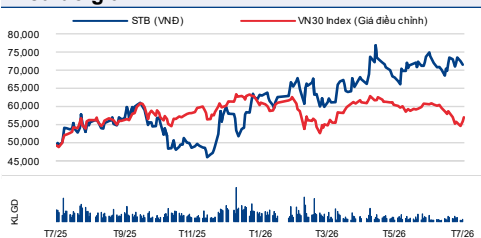
Giá mục tiêu: VNĐ61,000

Tiềm năng tăng/giảm: -14.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2026)	71,600
Mã Bloomberg	STB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	46,000-76,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	72,025
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	134,981
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,136
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,885
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	566
Slg CP NN được mua (tr.đv)	341
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	11.9%
Tỷ lệ freefloat	41.9%
Cổ đông lớn	Quỹ đầu tư PYN (4.86%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	917	1,010	1,124
Dư nợ cho vay (ntđ)	626	689	772
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	32.1	33.3	37.7
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5.94	7.38	15.2
BVPS (đồng)	31,756	36,117	43,755
EPS (đồng)	3,150	3,917	8,040
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.1	10.0	12.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	11.8	3.92	13.0
Tăng trưởng EPS (%)	(41.1)	24.3	105
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	10.3	11.5	20.1
ROAA (%)	0.71	0.77	1.42
Tỷ lệ NIM (%)	3.28	2.86	2.96
Tỷ lệ CIR (%)	40.7	31.8	32.9
Hệ số CAR (%)	9.20	8.99	9.41
Tỷ lệ nợ xấu (%)	6.41	4.60	3.50
LLR/nợ xấu (%)	50.0	61.5	68.2
Hệ số LDR (%)	101	101	101
P/B (lần)	2.25	1.98	1.64
P/E (lần)	22.7	18.3	8.91
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

STB là một trong những ngân hàng tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng tập trung vào cho vay mua nhà, ô tô, kinh doanh hộ gia đình và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q2/2026: Chi phí dự phòng gia tăng áp lực lên lợi nhuận

- STB đã công bố LNTT Q2/2026 đạt 2 nghìn tỷ đồng, giảm 44% so với cùng kỳ, do thu nhập lãi thuần giảm 5% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng tăng mạnh 458% so với cùng kỳ. LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 4,1 nghìn tỷ đồng, giảm 44% so với cùng kỳ, hoàn thành 45% dự báo cả năm 2026 và thấp hơn một chút so với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức thấp, đạt 1,5% kể từ đầu năm trong Q2/2026. Tỷ lệ NIM cải thiện nhẹ lên 2,9%, nhưng chất lượng tài sản tiếp tục suy yếu với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 7,54%.
- HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo. Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% trong 1 tháng qua, STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,98 lần, cao hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,23 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 vào ngày 30/7/2026 y

STB đã ghi nhận LNTT Q2/2026 đạt 2 nghìn tỷ đồng, giảm 44% so với cùng kỳ và giảm 4% so với quý trước, chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 5% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng tăng 459% so với cùng kỳ. LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 4,1 nghìn tỷ đồng, giảm 44% so với cùng kỳ, hoàn thành 45% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù thấp hơn một chút so với dự báo 6 tháng, chênh lệch này không lớn do dự báo cả năm 2026 của chúng tôi đã giả định chi phí dự phòng ở mức 13,5 nghìn tỷ đồng, trong đó 53% đã được trích lập trong 6 tháng đầu năm 2026.

Tăng trưởng tín dụng phục hồi khiêm tốn nhờ phân khúc doanh nghiệp

Dư nợ tín dụng của STB tăng 1,5% so với quý trước và kể từ đầu năm đạt 636 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q2/2026, thấp hơn đáng kể so với toàn ngành (tăng hơn 8% kể từ đầu năm). Điều này phản ánh chiến lược tiếp tục tập trung xử lý các tài sản tồn đọng trong khi mở rộng hoạt động cho vay một cách có chọn lọc của Ngân hàng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026, STB

LNTT 6 tháng đầu năm bằng 45% dự báo của năm và thấp hơn một chút so với dự báo 6 tháng của chúng tôi

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	6,585	6,247	-5%	13,448	12,289	-9%	45%
Thu nhập ngoài lãi	1,184	3,743	216%	2,118	5,239	147%	83%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	919	3,202	248%	1,647	3,952	140%	112%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	227	350	54%	534	689	29%	57%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	2	(73)		3	2	-32%	
Thu nhập khác	27	224	721%	(76)	547	-817%	35%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	40	324%	9	48	413%	241%
Tổng thu nhập HĐ	7,769	9,990	29%	15,566	17,528	13%	53%
Chi phí HĐ	(3,200)	(2,825)	-12%	(7,127)	(6,233)	-13%	59%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	4,570	7,165	57%	8,439	11,295	34%	50%
Chi phí dự phòng	(912)	(5,095)	458%	(1,108)	(7,119)	543%	53%
LNTT	3,657	2,030	-44%	7,331	4,136	-44%	45%
Lợi nhuận thuần	2,894	1,347	-53%	5,790	2,931	-49%	40%

Nguồn: STB, HSC

Theo kỳ hạn, cho vay trung hạn (kỳ hạn từ 1-5 năm) tăng mạnh 35% so với quý trước, trong khi cho vay ngắn hạn và dài hạn giảm lần lượt 4% và 1% so với quý trước. Chúng tôi cho rằng tăng trưởng mạnh ở mảng cho vay trung hạn chủ yếu đến từ hoạt động tài trợ cho các khách hàng doanh nghiệp lớn, trong khi danh mục DNNVV và bán lẻ nhìn chung ổn định. Trên thực tế, STB đã đang triển khai một số chương trình cho vay mới, bao gồm các gói vay mua nhà cho khách hàng mua nhà tại các dự án Vinhomes sau thỏa thuận hợp tác chiến lược được công bố vào tháng 4/2026, cũng như gói tài trợ 20 nghìn tỷ đồng cho các doanh nghiệp xuất khẩu và thương mại. Chúng tôi cho rằng Ngân hàng nhiều khả năng sẽ tăng cường quan hệ với Vingroup và các doanh nghiệp khác, điều này có thể trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng tín dụng bên cạnh phân khúc bán lẻ và DNNVV cốt lõi.

Về phía huy động, tiền gửi khách hàng tăng 7,6% so với quý trước và tăng 4,8% kể từ đầu năm đạt 648 nghìn tỷ đồng, trong khi giấy tờ có giá gần như đi ngang so với quý trước và vay liên ngân hàng giảm 42% so với quý trước xuống 90 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tăng nhẹ lên 16,8% từ 16,2% trong Q1/2026.

Tỷ lệ NIM cải thiện nhẹ nhưng triển vọng vẫn trái chiều

Tỷ lệ NIM trong quý phục hồi 13 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,9% nhưng vẫn giảm 62 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Lợi suất tài sản gộp tăng 71 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 26 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 7,66%, trong khi chi phí huy động tăng 61 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 104 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 5,17%.

Tỷ lệ NIM thu hẹp so với cùng kỳ (mặc dù phục hồi nhẹ so với quý trước) cùng với tăng trưởng tín dụng ở mức thấp đã khiến thu nhập lãi thuần Q2/2026 giảm 5% so với cùng kỳ xuống 6.247 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập lãi thuần giảm 9% so với cùng kỳ xuống 12.289 tỷ đồng, hoàn thành 45% dự báo cả năm 2026 và thấp hơn dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Triển vọng tỷ lệ NIM vẫn trái chiều. Tín dụng dài hạn hơn cho các dự án doanh nghiệp gia tăng có thể hỗ trợ lợi suất tài sản nhưng hoạt động huy động tiền gửi quyết liệt nhiều khả năng sẽ duy trì chi phí huy động ở mức cao. Sự cân bằng giữa tăng trưởng cho vay và chi phí huy động sẽ quyết định xu hướng NIM trong các quý tới.

Thu nhập ngoài lãi nhiều khả năng đến từ khoản lãi thuần HĐ dịch vụ một lần

Thu nhập ngoài lãi của STB tăng 216% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 248% so với cùng kỳ, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 54% so với cùng kỳ và thu nhập khác tăng hơn 8 lần. Trong 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập ngoài lãi tăng 147% so với cùng kỳ và hoàn thành 83% dự báo cả năm của chúng tôi.

Lãi thuần HĐ dịch vụ đạt mức cao nhất trong nhiều năm, mặc dù Ngân hàng chưa công bố cơ cấu cụ thể. Với sự ổn định của các dịch vụ phí cốt lõi của STB, chúng tôi cho rằng một phần mức tăng có thể đến từ khoản thu nhập không thường xuyên liên quan đến hoạt động giải ngân tín dụng. Chúng tôi sẽ đánh giá lại nhận định này sau khi Ngân hàng công bố BCTC kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026.

Chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ

Chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tốt, giảm 12% so với cùng kỳ và giảm 17% so với quý trước xuống 2.825 tỷ đồng trong Q2/2026. Chi phí nhân viên giảm 9% so với cùng kỳ, trong khi chi phí liên quan đến tài sản giảm 10% so với cùng kỳ.

Ngân hàng đã giảm số lượng nhân viên xuống 13.078 người từ 14.080 người trong Q1/2026, giảm 7% so với quý trước, và từ 16.816 người trong Q4/2025, giảm 22% kể từ đầu năm. Điều này phù hợp với chiến lược tối ưu hóa chi phí

được đội ngũ lãnh đạo mới của Ngân hàng triển khai, như chúng tôi đã nhấn mạnh trong báo cáo Q1/2026.

Chất lượng tài sản tiếp tục suy giảm

Phù hợp với chia sẻ của BLĐ vào đầu tháng 7/2026, tỷ lệ nợ xấu của STB tăng lên 7,54% tại thời điểm cuối Q2/2026 từ 6,62% tại thời điểm cuối Q1/2026 và 6,41% tại thời điểm cuối Q4/2025. Điều này cho thấy Ngân hàng vẫn chưa đạt được tiến triển đáng kể trong việc xử lý các tài sản có vấn đề. Bên cạnh khoản vay trực tiếp hơn 3 nghìn tỷ đồng đối với Bamboo Airways (BAV, Chưa khuyến nghị) và các khoản vay bán lẻ có thể liên quan đến BAV (ở mức khoảng 10 nghìn tỷ đồng), BLĐ cũng đang xử lý các khoản vay có vấn đề khác.

Chi phí dự phòng tăng mạnh lên 5,1 nghìn tỷ đồng trong Q2/2026, tăng 2,5 lần mức so với Q1/2026 (2 nghìn tỷ đồng) và tăng 459% so với cùng kỳ. Đây là yếu tố chính ảnh hưởng đến lợi nhuận, mặc dù khoản trích lập bổ sung đã giúp nâng tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR lên 57% từ 53% tại thời điểm cuối Q1/2026. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng Ngân hàng nhiều khả năng sẽ tiếp tục trích lập dự phòng do tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức cao.

HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

Nhìn chung, STB có vẻ đang bước vào một giai đoạn tái cấu trúc mới, trong đó tỷ lệ nợ xấu sẽ duy trì ở mức cao và lợi nhuận suy yếu. Ngân hàng đang xây dựng quan hệ với các khách hàng doanh nghiệp mới nhằm đa dạng hóa tăng trưởng tín dụng bên cạnh phân khúc bán lẻ và DNNVV cốt lõi, nhưng còn quá sớm để lượng hóa những lợi ích tiềm năng này. Do đó, KQKD Q2/2026 không làm thay đổi quan điểm của chúng tôi về triển vọng của STB. Do đó, HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo. Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% trong 1 tháng qua, STB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,98 lần, cao hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,23 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	50.0	57.5	67.8	76.7	87.8
Chi phí lãi	(25.5)	(30.8)	(40.8)	(45.7)	(51.4)
Thu nhập lãi thuần	24.5	26.7	27.0	31.0	36.3
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.98	3.08	3.53	4.20	4.67
Lãi thuần HĐ KDNH	1.11	1.02	1.21	1.33	1.46
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.06	(0.01)	0	0	0
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.00	0.02	0.02	0.02	0.02
Thu nhập khác	0.00	1.26	1.55	1.06	0.87
Tổng thu nhập HĐ	28.7	32.1	33.3	37.7	43.4
Chi phí HĐ	(14.0)	(13.0)	(10.6)	(12.4)	(13.5)
LN trước dự phòng	14.7	19.0	22.7	25.3	29.9
Chi phí dự phòng	(1.97)	(11.4)	(13.5)	(6.34)	(4.73)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	12.7	7.63	9.23	18.9	25.1
Chi phí thuế TNDN	(2.63)	(1.69)	(1.85)	(3.79)	(5.03)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	10.1	5.94	7.38	15.2	20.1
EPS (đồng)	5,351	3,150	3,917	8,040	10,667
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	8.21	5.40	4.76	4.57	5.16
Tiền gửi tại NHNN	17.6	18.1	14.1	12.6	6.24
Tiền gửi tại các TCTD khác	88.2	173	186	201	217
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.23	0.23	0.23	0.23
Số dư cho vay thuần	530	606	670	753	854
Tổng dư nợ cho vay	539	626	689	772	872
Dự phòng rủi ro	(8.87)	(20.1)	(19.5)	(18.4)	(18.0)
Chứng khoán đầu tư	85.6	92.1	108	123	141
CK đầu tư sẵn sàng để bán	23.6	33.0	39.6	45.6	52.4
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	75.4	67.2	77.7	87.2	98.1
Dự phòng rủi ro	(13.3)	(8.10)	(9.78)	(9.78)	(9.78)
Đầu tư dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	7.36	7.06	7.27	7.49	7.71
Tài sản khác	10.5	15.3	19.6	21.1	22.6
Tổng tài sản	748	917	1,010	1,124	1,254
Nợ phải trả	693	857	941	1,041	1,154
Tiền gửi của NHNN	0.05	22.2	17.8	16.0	13.6
Tiền gửi của các TCTD khác	70.7	156	178	190	204
Tổng tiền gửi KH	567	618	680	762	861
Trái phiếu và CCTG	36.8	39.2	43.1	48.3	51.2
Nợ khác	18.3	20.9	21.9	24.1	24.1
Vốn chủ sở hữu	55.0	59.9	68.1	82.5	100
Vốn điều lệ	18.9	18.9	18.9	18.9	18.9
Thặng dư vốn cổ phần	1.75	1.75	1.75	1.75	1.75
Lợi nhuận giữ lại	28.4	31.3	39.3	51.4	66.1
Quỹ & vốn khác của CSH	5.94	7.97	8.21	10.5	13.5
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	748	917	1,010	1,124	1,254
BVPS (đồng)	29,160	31,756	36,117	43,755	53,142

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	10.9	22.6	10.1	11.3	11.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	11.7	16.1	10.0	12.0	13.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	11.0	9.08	10.0	12.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	11.8	8.93	10.0	12.0	12.6
Tăng trưởng VCSH (%)	20.2	8.90	13.7	21.1	21.5
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	11.1	8.76	1.24	14.9	17.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.48	(6.70)	(18.8)	16.9	9.10
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	10.6	29.4	19.5	11.3	18.1
Tăng trưởng LNTT (%)	32.6	(40.0)	21.0	105	32.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	30.7	(41.1)	24.3	105	32.7
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.03	3.85	3.46	3.53	3.65
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.97)	(1.57)	(1.10)	(1.16)	(1.14)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.8	97.6	98.2	98.4	98.6
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.41	1.50	1.49	1.60	1.76
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.2	10.7	13.4	27.4	36.4
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.4	22.7	18.3	8.91	6.71
P/B (lần)	2.46	2.25	1.98	1.64	1.35
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	35.2	18.5	22.2	40.2	46.4
ROAA (%)	1.42	0.71	0.77	1.42	1.69
ROAE (%)	20.0	10.3	11.5	20.1	22.0
Chi phí huy động BQ (%)	4.07	4.08	4.65	4.72	4.79
Lợi suất góp BQ (%)	7.41	7.07	7.17	7.31	7.48
Lợi suất thuần (%)	3.35	2.99	2.52	2.59	2.69
Tỷ lệ NIM (%)	3.64	3.28	2.86	2.96	3.10
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.4	9.60	10.6	11.2	10.8
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	85.5	83.2	81.1	82.4	83.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	4.07	7.17	8.32	6.40	5.42
Tỷ lệ CIR (%)	48.8	40.7	31.8	32.9	31.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	10.1	9.20	8.99	9.41	10.1
VCSH/Tổng TS (%)	7.35	6.53	6.74	7.34	7.99
Đòn bẩy vốn (lần)	13.6	15.3	14.8	13.6	12.5
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.40	6.41	4.60	3.50	2.80
Hệ số LLR (%)	68.4	50.0	61.5	68.2	73.8
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	95.1	101	101	101	101
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	10.5	19.2	19.7	19.0	18.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	72.1	68.3	68.3	68.7	69.5
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	553	553	553	553	553
Số lượng nhân viên	20,326	21,342	22,409	23,530	24,706

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn